TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 123/2024/QĐST-HNGĐ	*A, ngày 15 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 90/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" giữa:

Nguyên đơn: Chị **Châu Thị L** – Sinh năm: 1985; nơi cư trú: Khu T, thị trấn M, huyện A, tỉnh B.

Bị đơn: Anh **Trần Như N** – Sinh năm: 1980; nơi cư trú: Khu T, thị trấn M, huyện A, tỉnh B.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 317 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Châu Thị L và anh Trần Như N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Châu Thị L và anh Trần Như N thuận tình ly hôn.

2.2. *Về quan hệ con chung*: Chị Châu Thị L và anh Trần Như N thống nhất có 02 con chung tên: Trần Viết H, sinh ngày 24/02/2008 và Trần Viết P,

sinh ngày 05/8/2010. Khi ly hôn, chị L và anh N thống nhất giao hai cháu Trần Viết H, sinh ngày 24/02/2008 và Trần Viết P, sinh ngày 05/8/2010 cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.200.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 5 năm 2024 cho đến khi hai cháu Trần Viết H và Trần Viết P trưởng thành (tròn 18 tuổi).

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người trực tiếp nuôi. Vì lợi ích của con, đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng sau khi ly hôn.

2.3. *Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung*: Chị Châu Thị L và anh Trần Như N thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. *Án phí HNST*: Chị Châu Thị L tự nguyện chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) sung ngân sách Nhà nước. Về án phí cấp dưỡng nuôi con, anh Trần Như N tự nguyện chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) sung ngân sách Nhà nước. Chị Châu Thị L tự nguyện chịu thay cho anh Trần Như N 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) sung ngân sách Nhà nước và anh N đồng ý. Chị Châu Thị L đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng chẵn) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006800 ngày 12/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A nay được khấu trừ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND thị trấn M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

THẨM PHÁN

Cao Văn Đ